

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2017/KDTM-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Bình

Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2016/TLST-KDTM ngày 29/11/2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2017/QĐST-KDTM ngày 03/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 456/2017/QĐST-KDTM ngày 01/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 485/2017/QĐST-KDTM ngày 16/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 540/2017/QĐST-KDTM ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (gọi tắt là Công ty VAMC)

Địa chỉ: Số 22 Hàng Vôi, phường L, quận H, thành phố H.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (gọi tắt là Ngân hàng); theo Hợp đồng ủy quyền số 2067/2015/UQ.VAMC2-SHB ngày 20/5/2015 và sửa đổi bổ sung Hợp đồng ủy quyền số 1542 ngày 18/5/2016 của Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Ông Trịnh Quốc V, sinh năm 1986 – Chuyên viên Tổ tụng – Phòng Tổ tụng, Ban quản lý và Xử lý nợ có vấn đề - Ngân hàng TMCP S– H, có mặt tại phiên tòa.

Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1984 - Chuyên viên xử lý nợ của Hồng Bàng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - chi nhánh Hồng Bàng, Ban quản lý và Xử lý nợ có vấn đề - Ngân hàng TMCP S - H, vắng mặt tại phiên tòa.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 246/UQ-TGD ngày 16/9/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S – H).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và Vận tải PL (Gọi tắt là Công ty P L)

Địa chỉ trụ sở: Tổ 8 Đầu Phụng, phường V, quận K. thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Đỗ Duy T – Giám đốc Công ty PL

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Đầu Phụng 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 28/7/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 09/02/2010 Ngân hàng và Công ty PL ký hợp đồng tín dụng trung hạn số 1001HP006/HĐTD/2010 với nội dung Ngân hàng cho Công ty PL vay số tiền là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), mục đích vay để mua cần trục bánh lốp 120 tấn, thời hạn vay là 05 năm, lãi suất vay 12% năm, điều chỉnh lãi suất vay trong hạn là 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay tại hợp đồng tín dụng số 1001HP006/HĐTD/2010 ngày 09/02/2010 của Công ty PL, ngày 09/02/2010 Ngân hàng và Công ty PL đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản, tài sản thế chấp là cần trục bánh lốp, nhãn hiệu SUMITOMO, biển số đăng ký 15LA-0728, giấy chứng nhận đăng ký số 0045/XMCD cấp ngày 26/3/2010 cho chủ sở hữu là Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vận tải PL; ngày 09/02/2010 anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đầu Phụng, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng ký hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng là đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của anh C tại địa chỉ: nhà số 30P5 tầng 1, phố Phan Bội Châu, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ngày 10/02/2010 Ngân hàng đã giải ngân, Công ty PL đã nhận đủ số tiền 10.000.000.000 đồng; trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty PL liên tục không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như lộ trình đã cam kết, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện để Công ty PL thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty PL vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng, khoản vay của Công ty PL đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày

28/8/2014. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tổng số tiền gốc Công ty PL đã trả cho ngân hàng là 6.320.600.000 đồng (chưa bao gồm lãi đã trả), đến nay Công ty PL còn nợ ngân hàng số nợ gốc là 3.679.400.000 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc Công ty PL thanh toán nợ nhưng Công ty PL vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết, Ngân hàng đã nhiều lần đến Tổ 8, Đầu Phụng, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng là nơi đăng ký địa chỉ trụ sở của Công ty PL để yêu cầu trả nợ cho Ngân hàng nhưng tại địa chỉ này Công ty PL không còn hoạt động, không còn treo biển; theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Công ty PL vẫn đăng ký địa chỉ tại Tổ 8, Đầu Phụng này. Việc Công ty PL tháo biển, không hoạt động tại Tổ 8 Đầu Phụng nữa Công ty không báo cho Ngân hàng biết, hiện nay Ngân hàng không biết Công ty PL đang hoạt động ở đâu. Ngân hàng đã đến nơi đăng ký thường trú của anh Đỗ Duy T – Giám đốc Công ty PL tại Đầu Phụng 2, phường V, quận K, TP. Hải Phòng nhưng không gặp anh T, Công ty PL cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Ngày 20/5/2015 Ngân hàng đã bán toàn bộ số nợ của Công ty PL cho công ty VAMC theo Hợp đồng mua bán nợ số 2066/2015/MBN.VAMC2-SHB; đồng thời Ngân hàng nhận ủy quyền từ công ty VAMC tiếp tục thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ đối với Công ty PL. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Công ty PL phải trả ngay cho công ty VAMC số tiền tính đến ngày 29/9/2017 là 6,504,844,403 đồng (trong đó nợ gốc là 3.679.400.000 đồng, lãi trong hạn là 2,077,422,803 đồng, lãi quá hạn là 748,021.600 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi Công ty PL thanh toán xong khoản vay. Trường hợp Công ty PL không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của Tòa án thì Công ty VAMC có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là cần trục bánh lốp, nhãn hiệu SUMITOMO model: SA1200, biển số đăng ký 15LA-0728, giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 0045/XMCD để thu hồi nợ. Đối với tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất tại phố Phan Bội Châu, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng do ông Nguyễn Văn C thế chấp ngày 26/6/2014 Ngân hàng đã giải chấp đối với tài sản thế chấp này nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với tài sản này.

** Những tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án đã thu thập:*

Tại công văn số 30/CV-ĐKKD ngày 20/02/2017 Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng đã cung cấp: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vận tải PL được Phòng đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200639682, đăng ký lần đầu ngày 01/8/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/11/2014; địa chỉ trụ sở chính của công ty đặt tại tổ 8 Đầu Phụng, phường Văn Đầu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Duy T, chức danh Giám đốc. Đến nay, Phòng Đăng ký kinh doanh chưa nhận được bất kỳ tài liệu nào thông báo về việc tạm ngừng hoạt động hay giải thể của doanh nghiệp trên, Doanh nghiệp nêu trên chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Tại văn bản xin xác nhận, ngày 31/10/2016 Công an phường V, quận K, thành phố Hải Phòng cung cấp anh Đỗ Duy T, sinh năm 1983, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ Đầu Phượng 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng hiện thường xuyên ăn ở, sinh hoạt tại tổ Đầu Phượng 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng.

Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2017 Công an phường V, quận K, thành phố Hải Phòng cung cấp: Tại tổ 8 Đầu Phượng, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng từng có Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vận tải PL, hiện nay Công ty không còn hoạt động trên địa bàn, đã tháo biển hiệu, khi chuyển đi Công ty PL không báo cho địa phương biết, nay địa phương không biết Công ty PL đang hoạt động ở địa chỉ nào. Bà Vũ Thị C là thành viên góp vốn của Công ty PL có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8 Đầu Phượng, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, bà đã từng sinh sống tại địa chỉ này nhưng nay thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Ông Đỗ Duy T là thành viên góp vốn của Công ty PL có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đầu Phượng 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, ông đã từng sinh sống tại địa phương nhưng nay thường xuyên vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 10/02/2017 Công an xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng cung cấp: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1972 (là thành viên góp vốn của Công ty PL) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên khoảng 10 năm nay ông Q không có mặt tại địa phương, khi ông Q bỏ đi khỏi nơi cư trú ông không thông báo cho chính quyền địa phương biết, không khai báo tạm vắng tại Ban công an xã nên Công an xã L không biết hiện nay ông Phạm Văn Q ở đâu và làm gì.

Biên bản làm việc ngày 21/3/2017 tại Chi nhánh Công ty TNHH TM và dịch vụ Vận tải PL, địa chỉ: Khu 7, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh ông Hoàng Văn Đ - trưởng chi nhánh cung cấp: Địa chỉ hoạt động trên thực tế không có gì thay đổi, tuy nhiên có sự thay đổi về địa chỉ theo sự quản lý của cơ quan Nhà nước. Chi nhánh của Công ty vẫn đang hoạt động bình thường, hiện nay do ông là Hoàng Văn Đ đang quản lý, điều hành hoạt động của Chi nhánh tại thành phố M.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp ngày 21/3/2017 thể hiện: Chiếc xe Cần trục bánh lốp, nhãn hiệu SUMITOMO, biển kiểm soát 15LA-0728 hiện đang đỗ tại Chi nhánh Công ty TNHH TM và dịch vụ Vận tải PL, địa chỉ: Khu 7, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các loại văn bản đúng quy định nhưng đại diện Công ty PL không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai và cũng không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết đúng quy định Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đại diện Công ty PL vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa, nguyên đơn về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không tham gia hòa giải, không có mặt theo giấy triệu tập, không có mặt tại phiên tòa đã vi phạm Điều 70, Điều 72, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ các Điều 280, 281, 290, 342, 343, 417, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 306 Luật Thương mại; căn cứ Điều 49, 50, 52, 54 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997; căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam. Buộc Công ty PL phải trả Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam số nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 1001HP006/HĐTD-TDH/2010 ngày 09/02/2010: Nợ gốc: 3.679.400.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: Không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố với loại vay tương ứng (là 9%/năm theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Tiếp tục tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 cho đến khi Công ty PL tất toán khoản vay. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của Tòa án thì VAMC và SHB được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên và phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe cần trục bánh lốp nhãn hiệu SUMITOMO SA 1200. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật trên cơ sở số tiền không được Tòa án chấp nhận; bị đơn phải nộp án phí trên cơ sở số tiền phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Ngày 09/02/2010 Ngân hàng Nhà H và Công ty PL ký hợp đồng tín dụng trung hạn số 1001HP006/HĐTD/2010 với nội dung Ngân hàng cho Công ty PL vay số tiền là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), mục đích vay để mua cần trục bánh lốp 120 tấn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty, có mục đích lợi nhuận. Để bảo đảm cho khoản vay này ngày 09/02/2010 Công ty PL đã thế chấp tài sản của Công ty là Cần trục bánh lốp cho Ngân hàng Nhà Hà Nội và anh Nguyễn Văn C đã thế chấp nhà và đất thuộc quyền sở hữu của anh C cho Ngân hàng. Do Công ty PL vi phạm hợp đồng tín dụng, ngày 20/5/2015 Ngân hàng đã bán khoản nợ này cho Công ty VAMB, Công ty VAMB đã khởi kiện Công ty PL, yêu cầu Công ty phải thực hiện Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết. Yêu cầu của Công ty VAMB đã làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng tín dụng, tranh chấp Hợp

đồng thể chấp tài sản, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp Kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thể chấp tài sản và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đều thể hiện Công ty PL có trụ sở chính tại Tổ 8 Đầu Phụng, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, tài liệu trong hồ sơ thể hiện Công ty PL chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không có thông báo về việc tạm ngừng hoạt động hay giải thể, không có tài liệu xác định Công ty PL có địa chỉ trụ sở khác. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Theo Hợp đồng tín dụng số 1001HP/HĐTD-TDH/2010 ngày 09/02/2010, hợp đồng thể chấp tài sản ngày 09/02/2010 thì việc ký kết các hợp đồng được thực hiện giữa Ngân hàng TMCP Nhà H với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vận tải PL. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty PL vi phạm Hợp đồng tín dụng. Ngày 07/8/2012 Ngân hàng Nhà H đã sát nhập với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo Quyết định số 1559/QĐ-NHNN. Ngày 20/5/2015 Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội đã bán toàn bộ số nợ của Công ty PL cho Công ty VAMC; đồng thời Công ty VAMC đã ủy quyền cho Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội đại diện Công ty VAMC khởi kiện và tiếp tục thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ đối với Công ty PL. Do vậy Công ty VAMC tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200639682 đăng ký lần đầu ngày 01/8/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/11/2014, thể hiện: Tên công ty là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải PL; địa chỉ trụ sở chính: Tổ 8, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật của công ty là Đỗ Duy T, sinh ngày 29/01/1983, chỗ ở: Đầu Phụng, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thể chấp tài sản, Hội đồng thành viên Công ty PL đã ủy quyền cho anh Đỗ Duy T đại diện Công ty ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thể chấp tài sản nêu trên. Tại thời điểm khởi kiện Công ty PL chưa giải thể, chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không thay đổi người đại diện theo pháp luật. Do vậy trong vụ án này xác định Công ty PL tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, anh Đỗ Duy T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[3] Tại thời điểm giải quyết tranh chấp Công ty PL không còn hoạt động tại địa chỉ tổ 8 Đầu Phụng, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, khi chuyển địa điểm hoạt động Công ty PL không thông báo theo quy định, cố tình giấu địa chỉ; hiện nay bên nguyên đơn, sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, chính quyền địa phương không biết địa chỉ trụ sở khác của Công ty; anh Đỗ Duy T là người đại diện theo pháp luật của Công ty PL thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú; các văn bản tố tụng của Tòa án không giao được cho bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn. Tòa án đã lập biên

bản không tổng đạt được và niêm yết các văn bản tố tụng tại tổ 2 và tổ 8, Đầu Phụng, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng và tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường V theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Nội dung tranh chấp của vụ án: Ngày 09/02/2010 Ngân hàng TMCP Nhà H và Công ty PL ký hợp đồng tín dụng trung hạn số 1001HP006/HĐTD/2010 với nội dung Ngân hàng cho Công ty PL vay số tiền là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), thời gian vay là 05 năm, mục đích vay mua cần trục bánh lốp 120 tấn, lãi suất khoản vay là 12%/năm; lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân khoản vay. Để bảo đảm cho khoản vay này ngày 09/02/2010 Công ty PL đã thế chấp Cần trục bánh lốp là tài sản của Công ty, anh Nguyễn Văn C đã thế chấp nhà và đất thuộc quyền sở hữu của anh C, các hợp đồng thế chấp tài sản đã được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm. Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân, Công ty PL đã nhận đủ số tiền 10.000.000.000 đồng và đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc là 6.320.600.000 đồng (chưa tính lãi); trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty PL không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, Công ty đã vi phạm hợp đồng, khoản vay của Công ty PL đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 28/8/2014.

Hiện nay Công ty PL không còn hoạt động tại nơi đăng ký địa chỉ trụ sở trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Tổ 8, Đầu Phụng, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; anh Đỗ Duy T - Giám đốc Công ty - là người đại diện theo pháp luật của Công ty thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Đầu Phụng 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Khi chuyển trụ sở hoạt động, Công ty PL không báo cho sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng biết, không báo cho chính quyền địa phương và Ngân hàng biết; hiện nay Ngân hàng không biết Công ty PL đang hoạt động ở địa chỉ nào.

Ngày 07/8/2012 Ngân hàng Nhà H đã sát nhập với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo Quyết định số 1559/QĐ-NHNN và khoản vay của Công ty PL hiện do Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội quản lý.

Ngày 20/5/2015 Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội đã bán toàn bộ số nợ của Công ty PL cho Công ty VAMC; đồng thời Công ty VAMC ủy quyền cho Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội khởi kiện và tiếp tục thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ đối với Công ty PL. Nguyên đơn yêu cầu Công ty PL phải trả ngay cho Công ty VAMC số tiền tính đến ngày 29/9/2017 là 6,504,844,403 đồng (trong đó nợ gốc là 3.679.400.000 đồng, lãi trong hạn là 2,077,422,803 đồng, lãi quá hạn là 748,021.600 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi Công ty PL thanh toán xong khoản vay. Trường hợp Công ty PL không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của Tòa án thì Công ty VAMC có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là cần trục bánh lốp, nhãn hiệu SUMITOMO, biển kiểm soát 15LA-0728, giấy chứng nhận đăng ký số 0045/XMCD để thu hồi nợ. Đối với tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất tại phố Phan Bội Châu, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng do anh

Nguyễn Văn C thế chấp, ngày 26/6/2014 Ngân hàng đã giải chấp đối với tài sản thế chấp này nên nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết đối với tài sản này.

[5] Xem xét hợp đồng mua bán nợ giữa ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội với Công ty VAMC: Ngày 20/5/2015 Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội với Công ty VAMC đã ký hợp đồng mua bán khoản nợ của Công ty PL theo hợp đồng tín dụng số 1001HP006/HĐTD/2010 ngày 09/02/2010 giữa Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội với Công ty PL. Hợp đồng được ký kết theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Các bên tự nguyện ký kết hợp đồng, nội dung, mục đích của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng được lập thành văn bản, được chứng thực đã làm phát sinh quan hệ pháp luật giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội với Công ty VAMC và với Công ty PL. Việc Công ty VAMC ủy quyền cho Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội khởi kiện yêu cầu Công ty P PL thanh toán nợ cho Công ty VAMC là đúng thẩm quyền.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1001HP006/HĐTD/2010 ngày 09/02/2010:

Hội đồng xét xử xét Hợp đồng tín dụng số 1001HP006/HĐTD/2010 ngày 09/02/2010 giữa Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội với Công ty PL: Những người tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực hành vi dân sự, ký kết trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hợp đồng được lập thành văn bản, được chứng thực theo đúng quy định tại các Điều 122, 123, 124, 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự; các Điều 49, 50, 51, 52, 54, 56 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997; do vậy Hợp đồng tín dụng này là Hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Đối với số nợ gốc: Ngân hàng Nhà H đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty PL 10.000.000.000 đồng như cam kết, Công ty PL đã nhận đủ tiền vay; trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty PL đã trả cho Ngân hàng 6.320.600.000 đồng tiền nợ gốc, tính đến ngày 29/9/2017 Công ty PL còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 3.679.400.000 đồng; việc Công ty VAMC yêu cầu Công ty PL phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc này là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 290, Điều 292, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, đây cũng là quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K cần được chấp nhận.

Đối với số nợ lãi: Trong hợp đồng tín dụng số 1001HP006/HĐTD/2010 ngày 09/02/2010 Ngân hàng Nhà H và Công ty PL đã có thỏa thuận về mức lãi suất, cách tính lãi, ngày thanh toán tiền lãi và trường hợp chuyển nợ quá hạn. Cụ thể: Lãi suất khoản vay là 12%/năm, lãi suất cơ sở 10,5%/năm; lãi suất được điều chỉnh định kỳ

03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân khoản vay; đến thời điểm trả tiền vay, lãi tiền vay mà bên vay không trả được hoặc chỉ trả được một phần tiền vay và lãi tiền vay thì Ngân hàng được quyền tự động chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang khoản nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay trong hạn (tại thời điểm điều chỉnh lãi suất định kỳ gần nhất). Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận mà không theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 do vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K không có căn cứ chấp nhận.

Việc thỏa thuận mức lãi suất, cách tính lãi suất nêu trên do Ngân hàng và Công ty PL tự thỏa thuận đã được thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12 ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, do vậy việc nguyên đơn yêu cầu Công ty PL phải thanh toán toàn bộ số nợ lãi trong hạn là 2,077,422,803 đồng, lãi quá hạn là 748,021.600 đồng (có bảng kê chi tiết tính lãi của Ngân hàng đối với khoản nợ của Công ty PL) cần được chấp nhận.

[7] . Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ:

Hội đồng xét xử xét Hợp đồng thế chấp ngày 09/02/2010 giữa Ngân hàng TMCP Nhà H với Công ty PL: Tài sản thế chấp thể hiện trong hợp đồng là căn trực bán lẻ, nhãn hiệu SUMITOMO, biển kiểm soát 15LA-0728, giấy chứng nhận đăng ký số 0045/XMCD cấp ngày 26/3/2010 cho chủ sở hữu là Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vận tải PL. Đây là tài sản hợp pháp của Công ty PL; Công ty đã tự nguyện thế chấp tài sản hợp pháp của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty. Hợp đồng thế chấp được ký kết trên tinh thần tự nguyện; hình thức, nội dung, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng được lập thành văn bản, được chứng thực và đã đăng ký giao dịch bảo đảm. Việc ký kết hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 122, 124, 318, 319, 322, 323, 342, 343, 344, 715, 716, 717, 719 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do vậy hợp đồng thế chấp là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp này, tại thời điểm xem xét thẩm định thì tài sản thế chấp đang để tại trụ sở Chi nhánh của Công

ty PL tại Khu 7, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, hiện nay Công ty PL vẫn đang quản lý và khai thác tài sản thế chấp này. Trường hợp Công ty PL không thanh toán được khoản nợ cho Công ty VAMC, việc Công ty VAMC yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp pháp luật quy định tại Điều 355, Điều 721 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với thực tiễn cần được chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất tại phố P, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng do anh Nguyễn Văn C thế chấp: Ngày 09/02/2010, tài sản thế chấp này đã được giải chấp, nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí:

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vụ án này được thụ lý trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên án phí được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty VAMC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.000.000 (năm mươi sáu triệu) đồng.

Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 281, 290, 292, 471, 473, 474, 342, 355, 715, 716, 717, 719, 721 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ các Điều 49, 50, 51, 52, 54, 56 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty PL phải trả Công ty VAMC tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2017 là 6,504,844,403 đồng (sáu tỷ năm trăm linh bốn triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm linh ba đồng) trong đó nợ gốc là 3.679.400.000 đồng (ba tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng), lãi trong hạn là 2,077,422,803 đồng (hai tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn tám trăm linh ba đồng), lãi quá hạn là 748,021.600 đồng (bảy trăm bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng) theo hợp đồng tín dụng số 1001HP006/HĐTD-TDH/2010 ngày 09/02/2010 giữa Ngân hàng TMCP Nhà H với Công ty TNHH thương mại dịch vụ và vận tải PL.

Kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2017 Công ty PL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty PL không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 1001HP006/HĐTD-TDH/2010 ngày 09/02/2010 nêu trên thì Công ty VAMC được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp là căn trực bánh lớp, nhãn hiệu SUMITOMO, biển kiểm soát 15LA-0728 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 09/02/2010 giữa Ngân hàng TMCP Nhà H và Công ty PL để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Vận tải PL phải chịu 114.504.845 đồng (một trăm mười bốn triệu năm trăm linh bốn nghìn tám trăm bốn mươi năm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty VAMC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003212 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty VAMC được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Công ty PL được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K ;
- Chi cục THA dân sự quận K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương